

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH**Đơn vị: Cục Thuế thành phố****Chỉ tiêu Ủy ban nhân dân thành phố giao***(Ban hành kèm theo Quyết định số 137/2007/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)**Đơn vị tính: triệu đồng*

CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN THU NĂM 2008	
	Chỉ tiêu pháp lệnh	Chỉ tiêu phần đầu
Tổng số	60.595.200 (*)	
1. Thu ngân sách nhà nước phần nội địa	50.043.000	Tăng tối thiểu 5% so chỉ tiêu pháp lệnh (không tính thu từ nguồn đầu giá quyền sử dụng đất)
2. Thu từ dầu thô	9.580.000	
3. Thu từ khí thiên nhiên	972.200	

(*) Cục Thuế có trách nhiệm phân bổ các chỉ tiêu trên cho các đơn vị trực thuộc

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH**Đơn vị: Cục Hải quan thành phố****Chỉ tiêu Ủy ban nhân dân thành phố giao**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 137/2007/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN THU NĂM 2008
Tổng số	37.475.000
1. Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế TTĐB hàng hóa nhập khẩu	12.620.000
2. Thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu	24.855.000

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH**Đơn vị: Công ty Xổ số kiến thiết thành phố****Chỉ tiêu Ủy ban nhân dân thành phố giao***(Ban hành kèm theo Quyết định số 137/2007/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)**Đơn vị tính: triệu đồng*

CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN THU NĂM 2008
Tổng số thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	600.000

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

DỰ TOÁN CHI TỪ NGÂN SÁCH NĂM 2008**(Đơn vị do Thành phố quản lý)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 137/2007/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Đơn vị tính: triệu đồng

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	Dự toán năm 2008	Ghi chú
1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân TP	37.293	
	- Văn phòng Thường trực HĐND	1.900	
	- Văn phòng HĐND và UBND thành phố	22.700	
	- Trung tâm Công báo	1.070	
	- Trung tâm Lưu trữ	601	
	- Trung tâm Tin học	11.022	
2	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội	842	
3	Văn phòng Tiếp công dân	1.908	
4	Ban Chỉ đạo Nông nghiệp nông thôn	532	
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	74.019	
	- Chi cục QL chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản	1.923	
	- Chi cục Kiểm lâm	4.960	
	- TT Nghiên cứu Khoa học và Khuyến nông	11.793	Dự phòng: 4.050
	- Chi cục Bảo vệ thực vật	6.873	
	- Chi cục Phát triển lâm nghiệp	4.200	
	- Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão	1.810	
	- Chi cục Phát triển nông thôn	2.160	
	- TT Qly & Kiểm định giống cây trồng vật nuôi	2.500	
	- Trường Trung học Kỹ thuật nông nghiệp	3.879	
	- Ban Quản lý Trung tâm Thủy sản thành phố	500	
	- Văn phòng Sở	4.502	
	- TT Công nghệ sinh học	4.811	
	- TT Tư vấn & hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu KT nông nghiệp	1.608	

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	Dự toán năm 2008	Ghi chú
	- Kinh phí Chương trình mục tiêu	3.633	NSTW: 800; NSTP: 2.833
	- Chi cục Thú y	8.923	Từ nguồn thu phí, lệ phí nộp ngân sách
	- Trợ giá bù giống gốc	3.460	
	- Bù hụt thu thủy lợi phí	6.484	
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	12.836	
	- Văn phòng Sở	7.836	Dự phòng: 1.000
	- Kinh phí xúc tiến	5.000	Dự phòng 2.000
7	Sở Tư pháp	11.757	
	- Phòng công chứng 1	1.074	
	- Phòng công chứng 2	920	
	- Phòng công chứng 3	600	
	- Phòng công chứng 4	750	
	- Phòng công chứng 5	850	
	- Phòng công chứng 6	793	
	- Phòng công chứng 7	949	
	- Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	1.100	
	- Văn phòng Sở	4.721	
8	Sở Công nghiệp	11.744	
	- Trường Trung học Công nghiệp	6.213	
	- Văn phòng Sở	4.761	
	- TT Tư vấn & Hỗ trợ DN công nghiệp TP	770	
9	Sở Khoa học và Công nghệ	86.024	
	- Nghiên cứu khoa học	70.563	Dự phòng: 46.000
	- Trung tâm Thông tin khoa học công nghệ	3.528	
	- Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng	2.283	
	- Văn phòng Sở	4.180	
	- Trung tâm Tiết kiệm năng lượng	892	
	- TT T/ kế chế tạo thiết bị mới (NEPTECH)	1.050	
	- TT Ứng dụng Hệ thống thông tin Địa lý	2.000	
	- Viện KHCN tính toán	1.528	Dự phòng: 1.000
10	Sở Tài chính thành phố	18.902	
	- Văn phòng Sở	11.632	

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	Dự toán năm 2008	Ghi chú
	- Kinh phí các Ban Chỉ đạo, Hội đồng	7.270	
	+ KP hoạt động cho Ban Chỉ đạo 09	770	
	+ HĐ Đấu giá quyền sử dụng đất	2.500	
	+ Bộ phận chuyên trách thẩm định giá nhà xưởng	750	
	+ Tổ chuyên trách liên ngành thông báo & kiểm soát giá vật liệu xây dựng	450	
	+ HĐ đền bù và giải phóng mặt bằng	1.500	
	+ Ban chỉ đạo xây dựng bảng giá đất	600	
	+ Tổ công tác liên ngành thẩm định giá bán quỹ nhà đất	700	
11	Chi cục Tài chính doanh nghiệp	3.094	
	+ VP Chi cục Tài chính DN	2.644	
	+ Ban Chỉ đạo 13	450	
12	Sở Xây dựng	16.555	
	- Trường Trung học Xây dựng	3.207	
	- Văn phòng Sở	8.052	
	- Tạp chí Sài Gòn Đầu tư và Xây dựng	70	
	- Kinh phí sự nghiệp	1.800	
	- Trung tâm Thông tin và Dịch vụ Xây dựng	3.426	
13	Thanh tra xây dựng	3.590	
14	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	9.777	
	- Văn phòng Sở	6.837	
	- Trung tâm Thông tin quy hoạch	1.660	
	- Trung tâm Nghiên cứu kiến trúc	1.280	
15	Sở Thương mại	35.982	
	- Văn phòng Sở	4.435	
	- Chi cục Quản lý thị trường TP	25.947	
	- Kinh phí xúc tiến	5.600	Dự phòng 2.000
16	Sở Giao thông - Công chính	1.305.609	
	- Khu Đường sông	7.415	
	- Thanh tra Sở Giao thông - Công chính	8.800	
	- TT Quản lý điều hành VT hành khách CC	1.040	

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	Dự toán năm 2008	Ghi chú
	- Ban Quản lý các bến xe vận tải hành khách	3.886	
	- Cảng vụ Đường thủy nội địa	4.733	
	- Trường Trung học Giao thông công chính	2.760	
	- Văn phòng Sở	8.096	Từ số thu được để lại theo quy định
	- Khu Quản lý Giao thông đô thị số 1	1.000	
	- Khu Quản lý Giao thông đô thị số 2	2.110	
	- Khu Quản lý Giao thông đô thị số 3	2.346	
	- Khu Quản lý Giao thông đô thị số 4	2.031	
	- TT Đăng kiểm phương tiện thủy nội địa	778	
	- Thảo cầm viên	16.614	
	- Dịch vụ bảo quản, duy tu công viên cây xanh	90.000	
	- Kinh phí sự nghiệp duy tu giao thông	644.000	Chi từ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải 220 tỷ đồng
	- Công ty chiếu sáng công cộng	60.000	
	- Trợ giá vé xe buýt	450.000	
17	Kinh phí sự nghiệp Giáo dục đào tạo	575.225	
17.1	Sở Giáo dục và Đào tạo	505.637	
	- SN Giáo dục	364.102	Dự phòng: 36.500
	- SN Đào tạo	127.687	
	- Kinh phí chương trình mục tiêu	6.500	
	- Văn phòng Sở	7.348	
17.2	Trường Đại học Sài Gòn	69.588	
18	Trường Cán bộ TP	4.200	
19	Sở Y tế	928.106	
	- Sự nghiệp Y tế	747.845	Dự phòng: 12.750
	- Kinh phí chương trình mục tiêu	38.911	(NSTW: 17011, NSTP:21900)
	- Quỹ Khám chữa bệnh cho người nghèo	22.000	
	- TT Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ y tế	12.210	
	- Văn phòng Sở	7.140	
	- Quỹ khám chữa bệnh trẻ em dưới 6 tuổi	100.000	
20	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	209.453	
	- Hoạt động xã hội khác	141.706	
	- Bệnh viện Bình Triệu	2.600	

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	Dự toán năm 2008	Ghi chú
	- Hoạt động chính sách người có công	7.000	
	- Văn phòng Sở	10.240	
	- Trường Cao đẳng nghề TP	7.300	
	- Trung tâm Giáo dục thường xuyên Gia Định	2.910	
	- Ban Chỉ đạo XDGN và việc làm	1.884	
	- Quỹ 156	1.000	
	- Chi cục Phòng chống tệ nạn XH	2.800	
	- Kinh phí Chương trình mục tiêu	12.013	Ngân sách Trung ương
	- Dự phòng chi sự nghiệp xã hội	20.000	
21	Sở Văn hóa và Thông tin	97.745	
	- Sự nghiệp nghệ thuật	25.358	
	- Trung tâm Thông tin triển lãm	4.524	
	- Hoạt động văn hóa khác	26.061	Dự phòng: 10.000
	- Bảo tồn bảo tàng	24.330	Dự phòng: 5.000
	- Thư viện Khoa học tổng hợp	5.770	
	- Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật	3.740	
	- Trợ giá văn hóa phẩm	500	
	- Kinh phí Chương trình mục tiêu	1.250	
	- Văn phòng Sở	6.212	
22	Sở Tài nguyên và Môi trường	755.590	
	- Văn phòng Sở	9.464	
	- Kinh phí sự nghiệp	55.809	
	- Trung tâm Phát triển quỹ đất	8.946	
	- TT Thông tin TNMT và đăng ký nhà đất	11.752	
	- Chi cục Bảo vệ môi trường	16.979	
	- Ban Qly các Khu liên hợp xử lý chất thải TP	2.640	
	- Dịch vụ vệ sinh môi trường	650.000	
23	Sở Bưu chính, Viễn thông	54.152	
	- Sự nghiệp bưu chính viễn thông	50.000	
	- Ban Quản lý các dự án công nghệ thông tin	406	
	- Văn phòng Sở	3.746	
24	Sở Nội vụ	11.344	
	- Văn phòng Sở	4.144	Dự phòng: 500

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	Dự toán năm 2008	Ghi chú
	- Đề án chính quyền đô thị	1.000	
	- Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính	1.000	
	- Kinh phí đào tạo	5.200	
25	Thanh tra TP	7.518	
26	Đài Tiếng nói nhân dân	14.000	
27	Ban Thi đua - Khen thưởng	16.100	
	Trong đó: KP khen thưởng: 15.000 triệu		
28	Liên minh Hợp tác xã	1.320	
29	Sở Du lịch	8.271	
	- Văn phòng Sở	2.781	
	- Kinh phí xúc tiến	5.490	Dự phòng 2.000
30	Sở Thể dục - Thể thao	140.597	
	- Sự nghiệp Thể dục thể thao	80.877	
	- Trường Nghiệp vụ TDTT	45.300	
	- Trường THPT Năng khiếu TDTT	800	
	- Văn phòng Sở	3.620	
	- Chương trình Đào tạo nguồn nhân lực	10.000	
31	Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em	7.529	
	- Văn phòng UB Dân số - Gia đình và Trẻ em	2.332	
	- Kinh phí Chương trình mục tiêu	5.093	NS Trung ương: 3419
	- Kinh phí in thẻ khám chữa bệnh trẻ em dưới 6 tuổi	104	
32	Kinh phí hoạt động Đảng	196.438	
	- Kinh phí đào tạo	25.000	
	- Đào tạo Tiến sĩ - Thạc sĩ trẻ	40.000	
	- Kinh phí hoạt động Đảng	131.438	
33	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	6.769	
34	Thành đoàn	15.725	
	- Trường đoàn Lý Tự Trọng	1.200	
	- Trường Bỏ túc Văn hóa Thành đoàn	550	
	- Nhà Văn hóa thanh niên	1.900	
	- Nhà Thiếu nhi thành phố	2.196	
	- Trung tâm Giới thiệu việc làm thanh niên	320	

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	Dự toán năm 2008	Ghi chú
	- Nhà Văn hóa sinh viên	750	
	- TT Sinh hoạt dã ngoại Thanh thiếu niên TP	645	
	- Văn phòng Thành đoàn	7.584	
	- TT Hỗ trợ Thanh niên công nhân	170	
	- Ký túc xá sinh viên Lào	410	
35	Hội Liên hiệp Phụ nữ	3.148	
36	Hội Nông dân	2.642	
	- Hội nông dân	2.014	
	- Kinh phí Chương trình mục tiêu	100	
	- Trung tâm Hỗ trợ nông dân	528	
37	Hội Cựu chiến binh	1.510	
38	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao	9.992	
	- Ban QL Khu Công nghệ cao	6.034	
	- Trung tâm đào tạo	962	Dự phòng: 300
	- Trung tâm nghiên cứu triển khai	1.962	Dự phòng: 800
	- Kinh phí vườn ươm doanh nghiệp	634	Dự phòng: 100
	- Kinh phí xúc tiến	400	
39	Ban QL Khu Nông nghiệp công nghệ cao	4.365	
	- Ban QL Khu Nông nghiệp công nghệ cao	1.150	
	- Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển nông nghiệp công nghệ cao	2.815	
	- Kinh phí xúc tiến	400	
40	Viện Kinh tế	6.780	
41	Viện Nghiên cứu xã hội	2.956	Dự phòng: 650
42	Ban Đổi mới quản lý Doanh nghiệp	1.220	
43	Lực lượng Thanh niên xung phong	104.685	
	- Trường giải quyết việc làm, Tổng đội 1, Cụm công nghiệp Nhị Xuân	80.546	
	- Trung tâm Giáo dục thường xuyên TNXP	2.317	
	- Văn phòng Lực lượng	6.422	
	- Ban Quản lý các Đội trật tự du lịch	5.300	
	- Kinh phí Chương trình mục tiêu	500	
	- Dự phòng	5.000	

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	Dự toán năm 2008	Ghi chú
	- Bảo quản công viên dạ cầu Sài Gòn	3.100	
	- Duy tu phà Bình Khánh	1.500	
44	Tuần báo Văn nghệ	600	
45	Trung tâm Điều khiển tín hiệu giao thông	1.500	Dự phòng: 1.000
46	Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy	5.380	Dự phòng: 1.000
47	Ban Quản lý Đường sắt đô thị	3.000	Dự phòng: 3.000
48	Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị thành phố	2.232	
49	Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài	1.940	
50	Ban QL Khu đô thị mới Nam TP	3.452	
	- Ban QL Khu đô thị mới Nam TP	3.052	
	- Kinh phí xúc tiến	400	
51	Ban Quản lý đầu tư và XD Khu đô thị mới Thủ Thiêm	3.330	
	- Ban Quản lý đầu tư và XD Khu đô thị mới Thủ Thiêm	2.930	
	- Kinh phí xúc tiến	400	
52	Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc	2.128	
	- Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc	1.728	
	- Kinh phí xúc tiến	400	
53	Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư	26.880	
	- Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư	2.880	
	- Kinh phí xúc tiến	24.000	Dự phòng 4.000
54	Công an thành phố	43.600	
	- Kinh phí hỗ trợ	35.600	
	- Kinh phí Chương trình mục tiêu	8.000	
55	Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố	32.475	
56	Trường Thiếu sinh quân	4.970	
57	Các Hội	13.493	
	- Kinh phí hỗ trợ	12.743	
	- Kinh phí Chương trình mục tiêu	750	
58	Cty XNK Phát hành Sách	550	Ngân sách Trung ương
59	Kinh phí hỗ trợ	9.746	

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	Dự toán năm 2008	Ghi chú
	Chương trình mục tiêu quốc gia phân bổ cho khối quận - huyện		
60	Kinh phí tăng cường năng lực đào tạo nghề	2.400	
	Quận 4	800	
	Quận 9	800	
	Huyện Nhà Bè	800	
61	Đào tạo nghề cho nông dân và người tàn tật (khối QH)	1.000	
	Quận 9	170	
	Quận 12	170	
	Huyện Củ Chi	200	
	Huyện Hóc Môn	60	
	Huyện Bình Chánh	100	
	Huyện Nhà Bè	200	
	Huyện Cần Giờ	100	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH KHỐI QUẬN - HUYỆN NĂM 2008**Chỉ tiêu Ủy ban nhân dân thành phố giao***(Ban hành kèm theo Quyết định số 137/2007/QĐ-UBND**ngày 10 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)**Đơn vị tính: triệu đồng*

QUẬN HUYỆN	TỔNG CHỈ TIÊU GIAO DỰ TOÁN CHI NSQH (*)	Trong đó		Số bổ sung cân đối NSQH từ NSTP
		Chi SN Giáo dục	Chi SN Y tế	
Tổng số	4.292.135	1.464.550	305.910	1.351.138
Quận 1	244.309	67.267	9.504	0
Quận 2	131.535	32.102	8.459	49.270
Quận 3	211.199	65.443	9.110	0
Quận 4	118.904	34.398	10.957	75.369
Quận 5	191.461	63.725	9.707	2.810
Quận 6	165.541	59.724	12.261	26.823
Quận 7	150.571	42.632	10.075	28.892
Quận 8	175.664	64.069	14.282	102.009
Quận 9	143.843	53.580	11.553	89.158
Quận 10	176.337	52.049	10.087	291
Quận 11	155.435	57.841	12.268	42.956
Quận 12	147.616	68.040	12.353	53.740
Quận Phú Nhuận	168.049	36.643	8.687	8.350
Quận Gò Vấp	230.386	94.849	17.266	74.074
Quận Bình Thạnh	254.883	81.024	13.915	39.555
Quận Tân Bình	264.470	90.495	15.251	0
Quận Tân Phú	195.776	73.277	11.462	35.395
Quận Bình Tân	161.858	51.593	11.634	24.328
Quận Thủ Đức	166.400	69.446	15.169	69.734
Huyện Củ Chi	238.505	94.581	15.952	192.097
Huyện Hóc Môn	169.094	75.323	24.155	117.206
Huyện Bình Chánh	187.443	68.123	21.135	115.239
Huyện Nhà Bè	96.771	32.271	8.083	65.967
Huyện Cần Giờ	146.085	36.055	12.585	137.875

() Trong tổng chi chưa bao gồm chi đầu tư phát triển phân cấp từ ngân sách thành phố***ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**TỶ LỆ PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU
CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2008**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 137/2007/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Quận huyện	Các sắc thuế phân chia tỷ lệ %		Các sắc thuế điều tiết NSQH 100%	Tỷ trọng lệ phí trước bạ nhà đất
		Thuế giá trị gia tăng	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Môn bài, thu khác thuế CTN, thuế nhà đất, thuế chuyển quyền SDD, thu phí-lệ phí, thu khác NS	
A	B	1	2	3	4
1	Quận 1	11%	11%	100%	14%
2	Quận 2	26%	26%	100%	38%
3	Quận 3	22%	22%	100%	25%
4	Quận 4	26%	26%	100%	20%
5	Quận 5	17%	17%	100%	13%
6	Quận 6	26%	26%	100%	25%
7	Quận 7	26%	26%	100%	30%
8	Quận 8	26%	26%	100%	18%
9	Quận 9	26%	26%	100%	28%
10	Quận 10	24%	24%	100%	15%
11	Quận 11	26%	26%	100%	15%
12	Quận 12	26%	26%	100%	37%
13	Quận Phú Nhuận	26%	26%	100%	28%
14	Quận Gò Vấp	26%	26%	100%	30%
15	Quận Bình Thạnh	26%	26%	100%	20%
16	Quận Tân Bình	24%	24%	100%	25%
17	Quận Tân Phú	26%	26%	100%	35%
18	Quận Bình Tân	26%	26%	100%	38%
19	Quận Thủ Đức	26%	26%	100%	30%
20	Huyện Củ Chi	26%	26%	100%	25%
21	Huyện Hóc Môn	26%	26%	100%	25%
22	Huyện Bình Chánh	26%	26%	100%	30%
23	Huyện Nhà Bè	26%	26%	100%	35%
24	Huyện Cần Giờ	26%	26%	100%	35%

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH KHỐI QUẬN - HUYỆN NĂM 2008**Chỉ tiêu Ủy ban nhân dân thành phố giao**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 137/2007/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: triệu đồng

QUẬN HUYỆN	TỔNG THU NSNN NĂM 2008		TỔNG THU NSQH NĂM 2008	Trong đó	
	Chỉ tiêu pháp lệnh	Chỉ tiêu phần đầu		Thu điều tiết NSQH	Thu bổ sung từ NSTP
Tổng số	11.583.200		4.292.135	2.940.998	1.351.138
Quận 1	1.763.000	Tăng tối thiểu 5% so với chỉ tiêu pháp lệnh (không tính nguồn thu từ đầu giá quyền sử dụng đất)	244.309	244.309	0
Quận 2	254.000		131.535	82.265	49.270
Quận 3	820.200		211.199	211.199	0
Quận 4	178.420		118.904	43.535	75.369
Quận 5	982.800		191.461	188.651	2.810
Quận 6	461.220		165.541	138.718	26.823
Quận 7	405.660		150.571	121.679	28.892
Quận 8	258.880		175.664	73.655	102.009
Quận 9	212.070		143.843	54.685	89.158
Quận 10	690.300		176.337	176.046	291
Quận 11	414.000		155.435	112.479	42.956
Quận 12	317.500		147.616	93.876	53.740
Quận Phú Nhuận	503.980		168.049	159.699	8.350
Quận Gò Vấp	509.740		230.386	156.312	74.074
Quận Bình Thạnh	725.200		254.883	215.328	39.555
Quận Tân Bình	920.500		264.470	264.470	0
Quận Tân Phú	508.380		195.776	160.381	35.395
Quận Bình Tân	502.000		161.858	137.530	24.328
Quận Thủ Đức	396.000		166.400	96.666	69.734
Huyện Củ Chi	155.380		238.505	46.408	192.097
Huyện Hóc Môn	186.500		169.094	51.888	117.206
Huyện Bình Chánh	263.600		187.443	72.204	115.239
Huyện Nhà Bè	107.440		96.771	30.804	65.967
Huyện Cần Giờ	46.430		146.085	8.210	137.875

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ